BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 11/2012/TT-BTC	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2012

THÔNG TƯ

Hướng dẫn miễn thuế xuất khẩu đối với hàng hóa là vật liệu xây dựng đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan để xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 33/2009/QĐ-TTG ngày 02/3/2009 và Quyết định ố 93/2009/QĐ-TTg ngày 10/7/2009 sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 21 Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Quyết định số 100/2009/QĐ-TTg ngày 30/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của khu phi thuế quan trong khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 5579/VPCP-KTTH ngày 15/8/2011 của Văn phòng Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn miễn thuế xuất khẩu đối với hàng hoá là vật liệu xây dựng đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan để xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan như sau:

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với hàng hóa là vật liệu xây dựng đưa từ thị trường trong nước (xuất khẩu) vào khu phi thuế quan để xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan.

Điều 2. Thuế xuất khẩu

1. Hàng hóa quy định tại Điều 1 Thông tư này được miễn thuế xuất khẩu.

2. Hàng hóa là vật liệu xây dựng xuất khẩu vào khu phi thuế quan để sử dụng cho các mục đích khác với quy định tại Điều 1 Thông tư này phải chịu thuế xuất khẩu theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế

Hàng hóa qui định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này phải được đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế theo quy định như sau:

a) Thủ tục đăng ký

- Người đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế: Chủ dự án xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan là người đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế. Trường hợp chủ dự án không trực tiếp xuất khẩu hàng hoá miễn thuế mà nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ xuất khẩu hàng hóa thì nhà thầu sử dụng danh mục hàng hoá miễn thuế và phiếu theo dõi, trừ lùi do chủ dự án đăng ký với cơ quan hải quan khi thực hiện đăng ký tờ khai xuất khẩu hàng miễn thuế với cơ quan hải quan.

- Chủ dự án xây dựng danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế kèm theo phiếu theo dõi, trừ lùi và đăng ký với cơ quan hải quan nơi có khu phi thuế quan trước khi đăng ký tờ khai xuất khẩu lần đầu tiên.

- Danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế và phiếu theo dõi trừ lùi được xây dựng một lần cho cả dự án hoặc từng giai đoạn thực hiện, từng hạng mục công trình của dự án nếu tại giấy phép, giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc luận chứng kinh tế kỹ thuật, các tài liệu thiết kế kỹ thuật của dự án thể hiện dự án thực hiện theo từng giai đoạn hoặc theo từng hạng mục công trình.

- Trường hợp danh mục đã đăng ký có sai sót hoặc cần thay đổi thì người khai hải quan được sửa đổi, bổ sung với điều kiện phải có giấy tờ, tài liệu nộp cho cơ quan hải quan trước thời điểm xuất khẩu hàng hóa để chứng minh việc bổ sung, điều chỉnh là phù hợp với nhu cầu của dự án.

- Nơi đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế là Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi có khu phi thuế quan. Trường hợp Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý hải quan đối với một số tỉnh thì Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố xem xét quyết định giao Chi cục Hải quan quản lý hải quan đối với khu phi thuế quan thực hiện đăng ký danh mục hàng hoá miễn thuế đối với dự án xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu đó.

b) Hồ sơ đăng ký

Khi thực hiện đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế với cơ quan hải quan, người đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan hồ sơ gồm:

- Công văn đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế nêu rõ số lượng

hàng hóa, lý do đề nghị được miễn thuế xuất khẩu (theo mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

- Danh mục hàng hóa xuất khẩu được miễn thuế: Nộp 02 bản chính kèm theo 01 phiếu theo dõi, trừ lùi (theo mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

- Bảng kê danh mục tài liệu hồ sơ đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế: Nộp 01 bản chính.

- Tài liệu thiết kế kỹ thuật của dự án: Nộp 01 bản chính.

c) Trách nhiệm của người đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế

- Người đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế tự xác định nhu cầu sử dụng hàng hoá và xây dựng danh mục hàng xuất khẩu miễn thuế.

- Người đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai chính xác, trung thực các mặt hàng xuất khẩu tại danh mục miễn thuế và việc sử dụng đúng mục đích đối với số hàng hóa này.

d) Trách nhiệm của cơ quan hải quan khi tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ:

d.1) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì trong vòng ba ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, có văn bản trả lời (nêu rõ lý do).

d.2) Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì trong vòng mười ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra đối chiếu các tài liệu, chứng từ trong hồ sơ với các qui định tại Điều 1, Điều 2 và điểm a, điểm b khoản 1 Điều này để xác định đối tượng được miễn thuế xuất khẩu, tính thống nhất và chính xác của hồ sơ đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế và xử lý như sau:

- Trường hợp hàng hoá không thuộc đối tượng miễn thuế theo quy định thì không xác nhận danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế, có văn bản trả lời người đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế.

- Trường hợp hàng hoá thuộc đối tượng miễn thuế, các nội dung trên hồ sơ phù hợp thì thực hiện vào sổ theo dõi, ký, đóng dấu xác nhận vào 02 bản Danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế và 01 phiếu theo dõi trừ lùi (giao cho người đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế để xuất trình cho cơ quan hải quan thực hiện trừ lùi khi làm thủ tục hải quan cho hàng hóa thực tế xuất khẩu) theo quy định.

- Cơ quan hải quan nơi đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế thực hiện báo cáo Tổng cục Hải quan số lượng các trường hợp đăng ký danh mục hàng xuất khẩu miễn thuế tại đơn vị mình theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 102 Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 6/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là Thông tư số 194/2010/TT-BTC).

2. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế

a) Hồ sơ hải quan

Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan nộp, xuất trình cho cơ quan Hải quan hồ sơ theo qui định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 194/2010/TT-BTC.

b) Thủ tục miễn thuế

- Trên cơ sở qui định tại Điều 1, Điều 2 và hồ sơ qui định tại điểm a khoản 2 Điều này, cơ quan hải quan cập nhật số lượng, trị giá hàng hóa miễn thuế xuất khẩu vào bản chính phiếu theo dõi trừ lùi của người khai hải quan và ký xác nhận theo qui định, lưu 01 bản sao danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế và phiếu trừ lùi đã ghi rõ số lượng, trị giá hàng hóa xuất khẩu cùng hồ sơ xuất khẩu.

- Hết lượng hàng hóa xuất khẩu ghi trên danh mục, Lãnh đạo Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục cuối cùng xác nhận lên bản chính phiếu theo dõi trừ lùi của người khai hải quan, trong thời hạn không quá ba ngày, sao 1 bản (đóng dấu sao y bản chính) gửi Cục Hải quan nơi đăng ký danh mục để làm cơ sở kiểm tra sau thông quan việc sử dụng hàng hóa xuất khẩu miễn thuế.

- Cơ quan hải quan chỉ thực hiện miễn thuế xuất khẩu trong trường hợp đăng ký tờ khai hải quan sau khi đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế.

Điều 4. Quyết toán việc xuất khẩu, sử dụng hàng hóa miễn thuế

1. Các trường hợp được miễn thuế xuất khẩu nêu tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này, ngoài việc phải sử dụng hàng hóa đã được miễn thuế theo đúng quy định, người đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế có trách nhiệm quyết toán việc thực hiện xuất khẩu, sử dụng hàng hóa miễn thuế theo danh mục đã đăng ký với cơ quan hải quan nơi đăng ký danh mục (theo mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) để quản lý, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện xuất khẩu, sử dụng toàn bộ hàng hóa được miễn thuế.

2. Thời hạn và nội dung quyết toán

a) Chậm nhất là bốn mươi lăm ngày kể từ ngày kết thúc xuất khẩu hàng hoá thuộc danh mục hàng hoá miễn thuế đã đăng ký với cơ quan hải quan, người đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế phải quyết toán với cơ quan hải quan nơi đăng ký danh mục việc xuất khẩu và sử dụng hàng hoá xuất khẩu đã được miễn thuế xuất khẩu theo các nội dung sau:

- Số lượng hàng hóa xuất khẩu được miễn thuế;

- Định mức tiêu hao hàng hóa xuất khẩu thực tế;

- Số lượng hàng hóa xuất khẩu được miễn thuế đã sử dụng;

- Số lượng hàng hóa xuất khẩu được miễn thuế đã sử dụng vào mục đích khác.

b) Người đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế có trách nhiệm:

- Nộp quyết toán việc sử dụng hàng hoá xuất khẩu miễn thuế theo đúng hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung quyết toán đã nộp cho cơ quan hải quan.

- Nộp đủ tiền thuế và tiền phạt (nếu có) theo quy định đối với trường hợp hàng hoá đã được miễn thuế theo kê khai nhưng sử dụng sai mục đích hoặc hàng hoá không đúng đối tượng miễn thuế nhưng kê khai thuộc đối tượng miễn thuế và đã được thông quan theo kê khai của người khai hải quan.

c) Trách nhiệm của cơ quan hải quan

- Trên cơ sở hồ sơ người đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu miễn thuế gửi theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều này, thực hiện thu đủ thuế, xử phạt (nếu có) đối với các trường hợp nêu tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm b khoản 2 Điều này.

- Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ quyết toán của chủ dự án, thông tin trên hệ thống quản lý rủi ro, các nguồn thông tin thu thập được, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố quyết định thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp đối với các trường hợp cần thiết.

- Thực hiện ấn định thuế, thu đủ số tiền thuế, phạt chậm nộp (nếu có) đối với các trường hợp sau khi kiểm tra phát hiện doanh nghiệp không tự khai báo theo qui định đối với các trường hợp như: Thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa được miễn thuế, hàng hóa không thuộc đối tượng miễn thuế nhưng kê khai thuộc đối tượng miễn thuế và đã được thông quan.

- Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp xác định có hành vi vi phạm hành chính.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Đối với hàng hóa là vật liệu xây dựng đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan để tiếp tục xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì chủ dự án thực hiện hồ sơ, thủ tục miễn thuế theo quy định tại Điều 2 và quyết toán việc xuất khẩu, sử dụng hàng hoá miễn thuế theo quy định tại Điều 4 Thông tư này đối với số lượng vật liệu xây dựng được miễn thuế.

2. Cơ quan hải quan nơi có thẩm quyền thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thực hiện việc miễn thuế và các nội dung quản lý thuế khác theo đúng quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế có khu phi thuế quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát việc quản lý, miễn thuế theo đúng quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Tổ chức, cá nhân có liên quan không thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định của Thông tư này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành

chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

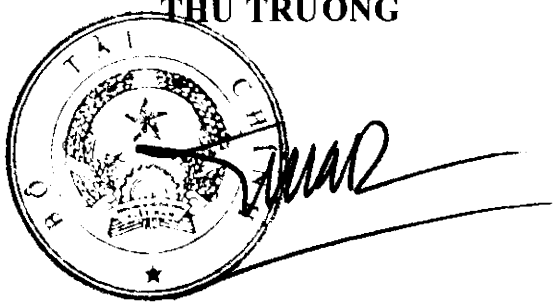
Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2012.

2. Đối với các khu phi thuế quan được áp dụng chính sách ưu đãi về thuế xuất khẩu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ khác với hướng dẫn tại Thông tư này thì vẫn tiếp tục thực hiện chính sách thuế xuất khẩu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân TC;
- Viện Kiểm sát nhân dân TC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (PXNK).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Vũ Thị Mai